

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|----------------------|----------|----------------------------|
| Ông Vũ Hữu Tuyền | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| Ông Bùi Hồng Sơn | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |
| Ông Nguyễn Công Bằng | Ủy viên | |
| Ông Phạm Mạnh Hùng | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Anh Toàn | Ủy viên | Miễn nhiệm ngày 26/04/2022 |

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|----------------------|--------------|----------------------------|
| Ông Phạm Mạnh Hùng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2022 |
| Ông Nguyễn Anh Toàn | Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/03/2022 |
| Ông Nguyễn Công Bằng | Phó Giám đốc | |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | | |
|---------------------|------------|----------------------------|
| Bà Vũ Thúy Hạnh | Trưởng ban | |
| Bà Đoàn Kim Anh | Thành viên | |
| Bà Nguyễn Khánh Vân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/07/2022 |
| Ông Đoàn Duy Thái | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 21/07/2022 |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Ô 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Số: 150323.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 80.209.569.726 | 54.808.018.979 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 28.992.889.575 | 29.528.923.057 |
| 111 | 1. Tiền | | 28.992.889.575 | 29.528.923.057 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 47.600.000.000 | 22.600.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 47.600.000.000 | 22.600.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 2.238.199.667 | 1.222.665.086 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 1.147.362.586 | 555.977.004 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 218.042.100 | 69.460.000 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 872.794.981 | 597.228.082 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.378.480.484 | 1.456.430.836 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 11 | 451.886.769 | 545.256.453 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14 | 926.593.715 | 911.174.383 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 48.065.358.658 | 55.937.561.019 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 47.796.558.134 | 55.105.526.353 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 47.178.540.369 | 54.551.598.859 |
| 222 | - Nguyên giá | | 179.818.133.962 | 179.145.525.045 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (132.639.593.593) | (124.593.926.186) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 10 | 618.017.765 | 553.927.494 |
| 228 | - Nguyên giá | | 3.455.663.682 | 3.104.613.682 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.837.645.917) | (2.550.686.188) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 268.800.524 | 832.034.666 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 8 | 268.800.524 | 832.034.666 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 128.274.928.384 | 110.745.579.998 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2022 VND | 01/01/2022 VND |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 19.005.204.246 | 4.900.022.099 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 19.005.204.246 | 4.900.022.099 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 12 | 3.589.432.609 | 1.394.995.298 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 13 | 558.915.000 | 182.152.200 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 626.646.617 | 82.896.863 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 12.918.828.470 | 992.765.060 |
| 318 | 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 15 | 584.435.078 | 457.210.002 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 407.491.644 | 489.291.244 |
| 322 | 7. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 319.454.828 | 1.300.711.432 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 109.269.724.138 | 105.845.557.899 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 17 | 109.269.724.138 | 105.845.557.899 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 95.000.000.000 | 95.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 95.000.000.000 | 95.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 15.629.374 | 15.629.374 |
| 418 | 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 6.380.000.000 | 6.380.000.000 |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 7.874.094.764 | 4.449.928.525 |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 3.074.934.020 | 4.325.662.629 |
| 421b | LNST chưa phân phối kỳ này | | 4.799.160.744 | 124.265.896 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 128.274.928.384 | 110.745.579.998 |

(Signature)

(Signature)



Vũ Thị Loan
Người lập

Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2022 | Năm 2021 |
|-------|--|-------------|----------------------|--------------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 19 | 98.425.821.832 | 61.021.201.849 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 98.425.821.832 | 61.021.201.849 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 20 | 83.986.224.057 | 54.688.449.445 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 14.439.597.775 | 6.332.752.404 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 1.601.935.193 | 1.110.417.833 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | | - | - |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | - | - |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | - |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 22 | 7.449.550.764 | 4.755.145.165 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 8.591.982.204 | 2.688.025.072 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | 14.897.806 | 128.626 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 23 | 917.164.756 | - |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (902.266.950) | 128.626 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 7.689.715.254 | 2.688.153.698 |
| | a. Chia lợi nhuận trước thuế cho đối tác của Công ty | | 1.528.000.000 | 2.444.800.000 |
| | b. Lợi nhuận trước thuế của Công ty | | 6.161.715.254 | 243.353.698 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 24 | 1.362.554.510 | 119.087.802 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>4.799.160.744</u> | <u>124.265.896</u> |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 25 | 505 | 13 |


Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2022 VND | Năm 2021 VND |
|--|--|-------------|------------------|------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | 7.689.715.254 | 2.688.153.698 |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | | 9.927.673.525 | 11.731.549.124 |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (1.446.187.226) | (1.110.417.833) |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | 635.956.364 | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 16.807.157.917 | 13.309.284.989 |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | (907.123.902) | (208.017.699) |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | | 13.077.013.349 | (12.371.334.562) |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | 93.369.684 | (167.701.959) |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (926.102.728) | (490.325.835) |
| 17 | - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (2.105.522.500) | (3.365.897.122) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 26.038.791.820 | (3.293.992.188) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (2.693.725.495) | (1.602.466.818) |
| 23 | 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (25.000.000.000) | - |
| 27 | 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 1.142.935.193 | 1.130.417.833 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (26.550.790.302) | (472.048.985) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 36 | 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (24.035.000) | (5.598.578.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (24.035.000) | (5.598.578.000) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (536.033.482) | (9.364.619.173) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 29.528.923.057 | 38.893.542.230 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | 28.992.889.575 | 29.528.923.057 |



Vũ Thị Loan

Người lập

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

  

Thạch Thị Kim Nga

Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến xe Hà Nội tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Bến xe Hà Nội, được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2208/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100105528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 95.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 95.000.000.000 đồng; tương đương 9.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 377 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 390 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp dịch vụ bến đỗ xe.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, Công ty đã cơ bản trở lại hoạt động bình thường sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 trong năm 2021. Điều này làm cho doanh thu cũng như kết quả kinh doanh năm 2022 của Công ty tăng mạnh so với năm 2021.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Bến xe Gia Lâm
- Bến xe Mỹ Đình
- Bến xe Giáp Bát

Địa chỉ

- Hà Nội
- Hà Nội
- Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe
- Cung cấp dịch vụ bến xe

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc được hạch toán chung tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc hợp tác cho thuê bãi đỗ xe Mỹ Đình (khu mở rộng). Hợp đồng quy định phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp cho các bên tham gia. Cụ thể, Công ty sẽ thực hiện kế toán doanh thu, chi phí và lợi nhuận trước thuế cho hợp đồng. Hàng năm, Công ty sẽ phải trả cho Trung tâm Thương mại Dịch vụ - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hợp đồng nhưng không được thấp hơn một khoản lợi nhuận cố định. Các bên tham gia sẽ tự chịu trách nhiệm kê khai và ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm theo quy định của Luật thuế hiện hành. Thời hạn hợp đồng được gia hạn đến 31/12/2024.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng thấp hơn khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Công ty thực hiện phân chia cho đối tác khoản lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận.

Nếu Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp hình thành từ hợp đồng nhiều hơn hoặc bằng khoản lợi nhuận cố định đã thỏa thuận: Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của hợp đồng. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của hợp đồng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 01 năm.
- Chi phí sửa chữa và lăn sơn tại các bến xe được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 01 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN. Trường hợp Công ty huy động xe của các đơn vị không phải là doanh nghiệp vận tải kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ để phục vụ cho việc hỗ trợ, giải quyết nhu cầu vận tải hành khách lúc cao điểm trong các dịp lễ, Tết... thì Công ty nộp thuế TNDN thay cho các đối tượng đó như trường hợp cơ sở kinh doanh và đơn vị sự nghiệp xác định được đúng doanh thu nhưng không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào để xác định được chi phí với mức thuế suất thuế TNDN là 2% trên doanh thu cung cấp dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ cho thuê bến bãi và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 353.660.500 | 91.238.000 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 27.970.230.197 | 29.271.289.379 |
| Tiền đang chuyển | 668.998.878 | 166.395.678 |
| | <u>28.992.889.575</u> | <u>29.528.923.057</u> |

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|--------------------|------------------------------|-----------------|------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 47.600.000.000 | - | 22.600.000.000 | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 47.600.000.000 | - | 22.600.000.000 | - |
| | <u>47.600.000.000</u> | <u>-</u> | <u>22.600.000.000</u> | <u>-</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị là 47.600.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,75%/năm đến 4,9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| <i>Bên liên quan</i> | | | | |
| Xí nghiệp Xe buýt 10-10 | 29.327.000 | - | 18.431.000 | - |
| Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long | - | - | 17.712.000 | - |
| Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội | 63.927.000 | - | 34.596.000 | - |
| Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu | 134.924.000 | - | 62.094.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh | 82.434.000 | - | 44.547.000 | - |
| Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội | 213.587.000 | - | 48.081.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vận tải Newway | 11.160.000 | - | 17.019.000 | - |
| Trung tâm Tân Đát | 44.265.000 | - | 60.715.500 | - |
| Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên | 16.794.000 | - | 11.340.000 | - |
| Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội | 65.245.000 | - | - | - |
| Trung tâm Điều hành xe buýt | 415.000 | - | - | - |
| | 662.078.000 | - | 314.535.500 | - |
| <i>Bên khác</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Xe khách Bắc Giang | 176.039.000 | - | 43.372.000 | - |
| Công ty TNHH Bắc Hà | - | - | 51.069.600 | - |
| Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội | 120.987.600 | - | 45.253.000 | - |
| Phải thu khách hàng khác | 188.257.986 | - | 101.746.904 | - |
| | 485.284.586 | - | 241.441.504 | - |
| | 1.147.362.586 | - | 555.977.004 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|--|--------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Công nghệ Môi trường Quang Minh | 93.000.000 | - | 30.960.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ Phòng cháy chữa cháy 82 | 87.242.100 | - | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 37.800.000 | - | 38.500.000 | - |
| | 218.042.100 | - | 69.460.000 | - |

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| <i>Chi tiết theo nội dung</i> | | | | |
| Phải thu về lãi tiền gửi | 759.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Phải thu về kinh phí công đoàn | 5.992.827 | - | 15.694.480 | - |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội | 3.658.429 | - | 9.455.072 | - |
| Phải thu về bảo hiểm y tế | 20.627.774 | - | 48.119.135 | - |
| Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp | 22.153.206 | - | 12.790.050 | - |
| Tạm ứng | 60.160.000 | - | 203.000.000 | - |
| Phải thu khác | 1.202.745 | - | 8.169.345 | - |
| | 872.794.981 | - | 597.228.082 | - |
| <i>Bên khác</i> | | | | |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hoàn Kiếm | 629.000.000 | - | 300.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông | 130.000.000 | - | - | - |
| Lý Thị Kim Thoa | - | - | 193.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 113.794.981 | - | 104.228.082 | - |
| | 872.794.981 | - | 597.228.082 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | <u>31/12/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| - Dự án bãi đỗ xe tải Phía Nam (*) | - | 635.956.364 |
| - Nhà để xe đa năng Bến xe Mỹ Đình (**) | 196.078.302 | 196.078.302 |
| - Lắp dựng quầy dịch vụ chất lượng cao phía Nam nhà chờ Bến xe Mỹ Đình | 54.925.926 | - |
| - Lắp dựng nhà để xe cạnh hành lang sân xếp khách Bến xe Mỹ Đình | 17.796.296 | - |
| | <u>268.800.524</u> | <u>832.034.666</u> |

(*) Ngày 21 tháng 07 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 249/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc dừng triển khai dự án "Bãi đỗ xe tải phía Nam Hà Nội" tại xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Công ty đã ghi nhận toàn bộ chi phí đã phát sinh liên quan tới dự án này vào chi phí khác, chi tiết tại Thuyết minh số 23.

(**) Dự án xây dựng nhà để xe đa năng ở bến xe Mỹ Đình. Đến thời điểm 31/12/2022, chi phí phát sinh của dự án bao gồm các chi phí liên quan đến thiết kế nhà để xe. Công ty đã nhận được Công văn số 2209/QHKT-TMB-PAKT-P1 ngày 19/04/2018 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận tổng mặt bằng phương án kiến trúc của dự án. Công ty sẽ triển khai thực hiện trong thời gian thích hợp và phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 158.820.899.192 | 2.242.911.274 | 6.385.806.609 | 11.695.907.970 | 179.145.525.045 |
| - Mua trong năm | - | 95.345.455 | - | 809.404.546 | 904.750.001 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 1.518.653.272 | - | - | - | 1.518.653.272 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (1.110.312.083) | - | - | (640.482.273) | (1.750.794.356) |
| Số dư cuối năm | 159.229.240.381 | 2.338.256.729 | 6.385.806.609 | 11.864.830.243 | 179.818.133.962 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 108.457.685.653 | 1.822.275.395 | 4.808.034.973 | 9.505.930.165 | 124.593.926.186 |
| - Khấu hao trong năm | 7.589.329.073 | 201.142.784 | 627.428.710 | 1.222.813.229 | 9.640.713.796 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (954.564.116) | - | - | (640.482.273) | (1.595.046.389) |
| Số dư cuối năm | 115.092.450.610 | 2.023.418.179 | 5.435.463.683 | 10.088.261.121 | 132.639.593.593 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 50.363.213.539 | 420.635.879 | 1.577.771.636 | 2.189.977.805 | 54.551.598.859 |
| Tại ngày cuối năm | 44.136.789.771 | 314.838.550 | 950.342.926 | 1.776.569.122 | 47.178.540.369 |

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.353.804.369 đồng.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm máy tính với nguyên giá và hao lũy mòn kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 3.455.663.682 đồng và 2.837.645.917 đồng, khấu hao trong năm 2022 là 286.959.729 đồng. Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng là 2.309.888.682 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 451.886.769 | 114.971.451 |
| Chi phí lần sơn Bến xe Mỹ Đình | - | 269.410.456 |
| Chi phí sửa chữa chống đột kiot A3 và trần phòng họp Bến xe Giáp Bát | - | 160.874.546 |
| | 451.886.769 | 545.256.453 |

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 | |
|---|----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại và Dịch vụ THG | 921.929.000 | 921.929.000 | 178.585.000 | 178.585.000 |
| Công ty Cổ phần Phần mềm quản trị doanh nghiệp | 80.877.000 | 80.877.000 | 308.864.800 | 308.864.800 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ Quản lý Bất động sản Homecare | 99.187.200 | 99.187.200 | 195.530.323 | 195.530.323 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn - Đầu tư xây dựng chiếu sáng và Cơ điện công trình | - | - | 144.150.600 | 144.150.600 |
| Phải trả các đối tượng khác | 2.487.439.409 | 2.487.439.409 | 567.864.575 | 567.864.575 |
| | 3.589.432.609 | 3.589.432.609 | 1.394.995.298 | 1.394.995.298 |

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Nguyễn Thế Hạnh | - | 43.636.000 |
| Công ty TNHH Vận tải Bus Hải Phòng | - | 38.990.000 |
| Hợp tác xã Dịch vụ Vận tải thương mại Tiến Phương | - | 23.394.000 |
| Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Vận tải Hà Sơn Hải Vân | - | 18.892.000 |
| Chi nhánh Công ty Liên doanh Vận chuyển quốc tế Hải Vân | 552.000.000 | - |
| Người mua khác trả tiền trước | 6.915.000 | 57.240.200 |
| | 558.915.000 | 182.152.200 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|---------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | - | 82.896.863 | 5.387.438.823 | 5.121.073.590 | - | 349.262.096 |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 335.169.989 | - | 1.538.657.238 | 926.102.728 | - | 277.384.521 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | 11.156.860 | - | 2.039.630 | 2.730.050 | 11.847.280 | - |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | 564.847.534 | - | 2.712.142.141 | 3.062.041.042 | 914.746.435 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 6.000.000 | 6.000.000 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 125.460.425 | 125.460.425 | - | - |
| | 911.174.383 | 82.896.863 | 9.771.738.257 | 9.243.407.835 | 926.593.715 | 626.646.617 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng | 578.964.569 | 457.210.002 |
| - Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác | 5.470.509 | |
| | 584.435.078 | 457.210.002 |

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

| | 31/12/2022 | 01/01/2022 |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Kinh phí công đoàn | - | 96.500 |
| - Bảo hiểm xã hội | - | 50.075.100 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 106.770.000 | 114.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 293.876.520 | 317.911.520 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 6.845.124 | 7.208.124 |
| | 407.491.644 | 489.291.244 |

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 95.000.000.000 | 15.629.374 | 6.380.000.000 | 13.623.425.129 | 115.019.054.503 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | 124.265.896 | 124.265.896 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | (9.297.762.500) | (9.297.762.500) |
| Số dư cuối năm trước | 95.000.000.000 | 15.629.374 | 6.380.000.000 | 4.449.928.525 | 105.845.557.899 |
| Số dư đầu năm nay | 95.000.000.000 | 15.629.374 | 6.380.000.000 | 4.449.928.525 | 105.845.557.899 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | 4.799.160.744 | 4.799.160.744 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | (1.124.265.896) | (1.124.265.896) |
| Giảm khác (*) | - | - | - | (250.728.609) | (250.728.609) |
| Số dư cuối năm nay | 95.000.000.000 | 15.629.374 | 6.380.000.000 | 7.874.094.764 | 109.269.724.138 |

(*) Điều chỉnh theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn của Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 2022.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 134 NQ/ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

| | Tỷ lệ | Số tiền |
|---|---------|---------------|
| | % | VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để phân phối | 100,00% | 4.449.928.525 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 25,26% | 1.124.265.896 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 74,74% | 3.325.662.629 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Cuối năm</u> | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--|--------------|-----------------------|--------------|-----------------------|
| | (%) | VND | (%) | VND |
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội | 67,06% | 63.704.000.000 | 67,06% | 63.704.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hợp tác Đầu tư và Phát triển | 16,36% | 15.538.440.000 | 16,36% | 15.538.440.000 |
| Các cổ đông khác | 16,58% | 15.757.560.000 | 16,58% | 15.757.560.000 |
| | 100% | 95.000.000.000 | 100% | 95.000.000.000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Năm 2022</u> | <u>Năm 2021</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 95.000.000.000 | 95.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | <u>95.000.000.000</u> | <u>95.000.000.000</u> |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | <u>95.000.000.000</u> | <u>95.000.000.000</u> |
| Cổ tức, lợi nhuận: | | |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i> | 317.911.520 | 216.489.520 |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i> | - | 5.700.000.000 |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | - | 5.700.000.000 |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i> | (24.035.000) | (5.598.578.000) |
| + <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i> | (24.035.000) | (5.598.578.000) |
| - <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i> | <u>293.876.520</u> | <u>317.911.520</u> |

d) Cổ phiếu

| | <u>31/12/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 9.500.000 | 9.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 9.500.000 | 9.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 9.500.000 | 9.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 9.500.000 | 9.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 9.500.000 | 9.500.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ công ty

| | <u>31/12/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 6.380.000.000 | 6.380.000.000 |
| | 6.380.000.000 | 6.380.000.000 |

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | <u>31/12/2022</u> | <u>01/01/2022</u> |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| - Từ 1 năm trở xuống | 578.964.569 | 457.210.002 |
| | 578.964.569 | 457.210.002 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 20 Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm; số 9 Ngô Gia Khâm, Quận Long Biên và lô đất tại Bến xe Giáp Bát, Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng và vận hành các bến xe. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ bến bãi | 78.115.727.206 | 49.703.202.465 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ khác | 20.310.094.626 | 11.317.999.384 |
| | 98.425.821.832 | 61.021.201.849 |
| Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan | 6.248.395.125 | 4.307.046.823 |
| <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i> | | |

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của dịch vụ bến bãi đã cung cấp | 68.433.705.667 | 46.052.617.945 |
| Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp | 15.552.518.390 | 8.635.831.500 |
| | 83.986.224.057 | 54.688.449.445 |
| Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan | | |
| Tổng giá trị mua vào: | 120.520.074 | 96.904.887 |
| <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 29)</i> | | |

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 1.601.935.193 | 1.110.417.833 |
| | 1.601.935.193 | 1.110.417.833 |

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 192.848.773 | 179.510.909 |
| Chi phí nhân công | 4.815.715.040 | 2.789.137.462 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.240.270.163 | 1.241.200.864 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 388.569.200 | 204.411.627 |
| Chi phí khác bằng tiền | 812.147.588 | 340.884.303 |
| | 7.449.550.764 | 4.755.145.165 |

23 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|--------------------|----------|
| | VND | VND |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý trong năm | 155.747.967 | - |
| Các khoản bị phạt | 125.460.425 | - |
| Điều chỉnh chi phí Dự án bãi đỗ xe tại Phía Nam | 635.956.364 | - |
| | 917.164.756 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 6.161.715.254 | 243.353.698 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 651.057.296 | 607.273.462 |
| - Chi phí không hợp lệ | 651.057.296 | 607.273.462 |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | 6.812.772.550 | 850.627.160 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%) | 1.362.554.510 | 170.125.432 |
| Miễn giảm 30% thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2021 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP | | (51.037.630) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp xe tăng cường (2%) | | 503.636 |
| Các khoản điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay | 176.102.728 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | (335.169.989) | 35.564.408 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | (926.102.728) | (490.325.835) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm | 277.384.521 | (335.169.989) |

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|---------------|-------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần sau thuế | 4.799.160.744 | 124.265.896 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 4.799.160.744 | 124.265.896 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 9.500.000 | 9.500.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 505 | 13 |

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.142.354.282 | 657.291.227 |
| Chi phí nhân công | 40.928.247.612 | 24.559.601.774 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.927.673.525 | 11.731.549.124 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 24.554.929.211 | 11.271.377.989 |
| Chi phí khác bằng tiền | 14.882.570.191 | 11.223.774.496 |
| Tổng chi phí sản xuất kinh doanh | 91.435.774.821 | 59.443.594.610 |

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2022 | | | | |
| Tiền | 28.992.889.575 | - | - | 28.992.889.575 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 2.020.157.567 | - | - | 2.020.157.567 |
| Các khoản cho vay | 47.600.000.000 | - | - | 47.600.000.000 |
| | 78.613.047.142 | - | - | 78.613.047.142 |
| Tại ngày 01/01/2022 | | | | |
| Tiền | 29.528.923.057 | - | - | 29.528.923.057 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 1.153.205.086 | - | - | 1.153.205.086 |
| Các khoản cho vay | 22.600.000.000 | - | - | 22.600.000.000 |
| | 53.282.128.143 | - | - | 53.282.128.143 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------|------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2022 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 3.996.924.253 | - | - | 3.996.924.253 |
| | <u>3.996.924.253</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>3.996.924.253</u> |
| Tại ngày 01/01/2022 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 1.884.286.542 | - | - | 1.884.286.542 |
| | <u>1.884.286.542</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>1.884.286.542</u> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---------------------------------------|
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội | Công ty mẹ |
| Trung tâm Tân Đạt | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10 | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Trung tâm Thương mại và Dịch vụ | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Trung tâm Điều hành xe buýt | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội | Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh | Công ty liên kết của Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội | Công ty con cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Vận tải Newway | Công ty con cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội | Công ty con cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển | Cổ đông lớn |

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘIGác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch phát sinh trong năm:

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu | 6.248.395.125 | 4.307.046.823 |
| Trung tâm Tân Đạt | 577.836.332 | 335.177.725 |
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội | 7.013.887 | - |
| Xí nghiệp Xe buýt 10 - 10 | 347.781.872 | 247.280.910 |
| Xí nghiệp Xe buýt Thăng Long | 394.791.059 | 330.046.363 |
| Xí nghiệp Xe khách Nam Hà Nội | 345.842.600 | 183.281.817 |
| Xí nghiệp Xe buýt Hà Nội | 752.096.819 | 677.953.638 |
| Xí nghiệp Xe buýt Cầu Bươu | 1.638.561.255 | 1.113.219.089 |
| Xí nghiệp Xe buýt Yên Viên | 237.354.694 | 94.009.091 |
| Trung tâm Điều hành xe buýt | 6.295.201 | 12.490.910 |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh | 829.851.311 | 590.746.364 |
| Công ty Cổ phần Xe điện Hà Nội | 994.892.369 | 637.267.278 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Newway | 116.077.726 | 85.573.638 |
| Mua tài sản, dịch vụ | 120.520.074 | 96.904.887 |
| Trung tâm Thương mại và Dịch vụ | 7.017.982 | 218.182 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Newway | 14.814.814 | 34.363.637 |
| Xí nghiệp Toyota Hoàn Kiếm Hà Nội | 90.287.278 | 29.595.795 |
| Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội | 8.400.000 | 32.727.273 |
| Phân chia lợi nhuận trước thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh | 1.528.000.000 | 2.444.800.000 |
| Trung tâm Thương mại và Dịch vụ | 1.528.000.000 | 2.444.800.000 |
| Cổ tức đã chia | - | 4.754.546.400 |
| Tổng Công ty Vận tải Hà Nội | - | 3.822.240.000 |
| Công ty Cổ phần Hợp tác đầu tư và Phát triển | - | 932.306.400 |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm 2022 | Năm 2021 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty | 562.423.920 | 658.073.400 |
| Ông Vũ Hữu Tuyển - Chủ tịch Hội đồng quản trị | 38.000.000 | 38.300.000 |
| Ông Bùi Hồng Sơn - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị | 14.000.000 | 62.800.000 |
| Ông Phạm Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc | 208.828.000 | 38.300.000 |
| Ông Nguyễn Anh Toàn - Nguyên thành viên Hội đồng quản trị, Nguyên Giám đốc | 55.452.800 | 276.895.720 |
| Ông Nguyễn Công Bằng - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc | 246.143.120 | 241.777.680 |
| Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát | 337.737.800 | 270.220.100 |

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE HÀ NỘI

Gác 2, Bến xe Giáp Bát, Phường Giáp Bát,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Loan
Người lập



Thạch Thị Kim Nga
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

